

# Tell Us About Your Child Survey Khảo sát

Hôm nay, chúng tôi muốn tìm hiểu thêm về con em quý vị và cách mà trẻ giao tiếp. Chúng tôi sẽ sử dụng thông tin này để tìm hiểu việc sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp của con em quý vị ảnh hưởng như thế nào đến quy trình đánh giá cho các dịch vụ ngôn ngữ tiếng Anh.

## Mục đích của cuộc khảo sát là gì?

- Mục đích của khảo sát này là để tìm hiểu nhu cầu ngôn ngữ và giao tiếp của con em quý vị bằng cả ngôn ngữ sử dụng tại nhà lẫn tiếng Anh.
- Chúng tôi dự kiến sẽ mất từ 12 đến 15 phút để hoàn thành. Khảo sát này được thiết kế cho học sinh có Chương trình Giáo dục Cá nhân hóa (IEP, từ viết tắt trong tiếng Anh), có khuyết tật nhận thức đáng kể và có khả năng là người học tiếng Anh (EL, từ viết tắt trong tiếng Anh).

## Khảo sát này bao gồm những gì?

Khảo sát này bao gồm các câu hỏi về năng lực của con em quý vị trong việc tạo ra cũng như xử lý hoạt động giao tiếp và ngôn ngữ.

## Hướng dẫn

Vui lòng trả lời các câu hỏi sau đây một cách chính xác nhất có thể. Chúng tôi sẽ sử dụng thông tin quý vị cung cấp để giúp chúng tôi đưa ra quyết định về việc đánh giá trình độ tiếng Anh của con em quý vị.

## Khảo sát

- 1) Có nhiều cách khác nhau để trẻ giao tiếp. Vui lòng đánh dấu tất cả các cách phù hợp với con em quý vị.

Cách giao tiếp: Trẻ thể hiện sự ưa thích hoặc phản ứng với các đồ vật, con người, hoạt động, v.v. như thế nào?	Sử dụng khoảng trống này để thêm bất kỳ thông tin bổ sung nào về cách giao tiếp của trẻ mà quý vị muốn chia sẻ.
<input type="checkbox"/> Sử dụng cử chỉ cơ thể hoặc biểu cảm khuôn mặt	
<input type="checkbox"/> Sử dụng giọng nói hoặc âm thanh	
<input type="checkbox"/> Nhìn vào đồ vật, người, hoặc hoạt động	
<input type="checkbox"/> Sử dụng cử chỉ	
<input type="checkbox"/> Chỉ tay hoặc chú ý đến một đồ vật, người, hoặc hoạt động	
<input type="checkbox"/> Chạm vào đồ vật, người, hoặc hoạt động	
<input type="checkbox"/> Mang đồ vật mà trẻ quan tâm đến cho ai đó	
<input type="checkbox"/> Mang biểu tượng hoặc hình ảnh của đồ vật, người, hoặc hoạt động đến cho ai đó	
<input type="checkbox"/> Sử dụng lời nói (từ không rõ ràng—ví dụ, “bó” thay vì “bóng”)	
<input type="checkbox"/> Sử dụng lời nói (từ rõ ràng, dễ hiểu về thứ mà trẻ đang)	
<input type="checkbox"/> Sử dụng ngôn ngữ ký hiệu (ví dụ, Ngôn ngữ Ký hiệu Mỹ, Ngôn ngữ Ký hiệu Mexico, Ngôn ngữ Ký hiệu Trung Quốc, Protactile, Ký hiệu Tiếng Anh Chính xác (SEE), ngôn ngữ ký hiệu đơn giản, ngôn ngữ ký hiệu khác, v.v.)	

<b>Cách giao tiếp:</b> <b>Trẻ thể hiện sự ưa thích hoặc phản ứng với các đồ vật, con người, hoạt động, v.v. như thế nào?</b>	Sử dụng khoảng trống này để thêm bất kỳ thông tin bổ sung nào về cách giao tiếp của trẻ mà quý vị muốn chia sẻ.
Sử dụng hệ thống giao tiếp tăng cường và thay thế (AAC),  <input type="checkbox"/> Thiết bị tạo giọng nói <input type="checkbox"/> Ứng dụng giao tiếp trên điện thoại hoặc máy tính bảng <input type="checkbox"/> Hệ thống dựa trên hình ảnh <input type="checkbox"/> Nhìn bằng mắt/theo dõi chuyển động mắt (bất kỳ hệ thống hoặc công nghệ nào cho phép trẻ tương tác bằng cách sử dụng chuyển động mắt)  <input type="checkbox"/> Khác (vui lòng giải thích): _____	
<input type="checkbox"/> Viết bằng công cụ viết (bút, bàn phím, máy tính bảng, máy viết chữ nổi, hoặc công cụ khác). Hoạt động viết có thể bao gồm các hình vẽ, chữ cái, từ ngữ, v.v.	
<input type="checkbox"/> Khác (vui lòng giải thích): _____	

2) Vui lòng đánh dấu từng kỹ năng dưới đây mà con em quý vị có thể thực hiện khi được nhắc nhở và/hoặc hỗ trợ.

<b>Con tôi có thể</b>	Sử dụng khoảng trống này để thêm bất kỳ thông tin bổ sung nào về trẻ mà quý vị muốn chia sẻ.
<input type="checkbox"/> Hiểu rằng các biểu tượng hoặc hình ảnh đại diện cho từ ngữ hoặc khái niệm.	
<input type="checkbox"/> Nghe và hiểu thông tin được trình bày thông qua ngôn ngữ nói hoặc thiết bị AAC.	
<input type="checkbox"/> Ghi nhớ thông tin được trình bày thông qua người giao tiếp hoặc thiết bị AAC theo đúng thứ tự đã được trình bày.	
<input type="checkbox"/> Chú ý đến hướng dẫn.	
<input type="checkbox"/> Hiểu các dấu hiệu xã hội như đến lượt mình nói và phản hồi khi được gọi hoặc trò chuyện.	

3) Trẻ có thường xuyên phản hồi bằng tiếng Anh khi ai đó giao tiếp với trẻ không?

- ☐ Có (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Không (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Thỉnh thoảng (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Không chắc
- ☐ Không áp dụng

4) Trẻ có hiểu khi ai đó giao tiếp với trẻ bằng tiếng Anh không?

- ☐ Có (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Không (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Thỉnh thoảng (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Không chắc
- ☐ Không áp dụng

5) Trẻ có thể làm theo hướng dẫn một bước bằng tiếng Anh không? (Nói cách khác, khi được yêu cầu thực hiện một nhiệm vụ chỉ cần một hành động, trẻ có thể thực hiện không?)

- ☐ Có (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Không (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Thỉnh thoảng (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Không chắc
- ☐ Không áp dụng

6) Trẻ có thể làm theo hướng dẫn một bước bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh không? (Ví dụ: "Give me the toy" (Đưa cho cô/chú món đồ chơi) hoặc "Close the door" (Đóng cửa lại)).

- ☐ Có (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Không (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Thỉnh thoảng (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Không chắc
- ☐ Không áp dụng

7) Trẻ có thể làm theo các hướng dẫn nhiều bước bằng tiếng Anh không? (Ví dụ: “Open the fridge, grab the milk, and pour a glass” (Mở tủ lạnh, lấy sữa và rót vào ly)).

- ☐ Có (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Không (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Thỉnh thoảng (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Không chắc
- ☐ Không áp dụng

8) Trẻ có thể làm theo các hướng dẫn nhiều bước bằng một ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh không?

- ☐ Có (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Không (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Thỉnh thoảng (vui lòng cung cấp thêm thông tin): \_\_\_\_\_
- ☐ Không chắc
- ☐ Không áp dụng

## Tài nguyên bổ sung—Hình ảnh thiết bị AAC

### 1. Thiết bị tạo giọng nói



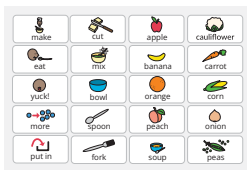
Thiết bị tạo giọng nói với bàn phím, từ ngữ và hình ảnh

### 2. Ứng dụng giao tiếp trên điện thoại hoặc máy tính bảng



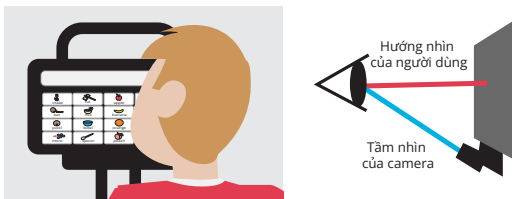
Ứng dụng trên máy tính bảng với hình ảnh và biểu tượng để giao tiếp

### 3. Hệ thống dựa trên hình ảnh



Bảng giao tiếp với hình ảnh của danh từ và động từ

### 4. Theo dõi chuyển động mắt (bất kỳ kỹ thuật hoặc công nghệ nào cho phép trẻ tương tác với một người hoặc thiết bị AAC chỉ bằng chuyển động mắt)



Một người dùng nhìn vào một máy tính bảng giao tiếp với các biểu tượng hình ảnh giao tiếp để chọn hình mong muốn. Camera trong hình bên phải cho thấy cách thiết bị ghi nhận sự tiếp xúc của ánh mắt với biểu tượng được chọn.